TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/ 2018/HS-ST
Ngày: 05 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Huyền
- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị lại.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Ng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/ 01/ 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83 /2017/ HSST ngày 16/11/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T- Sinh năm 1986.HKTT và chỗ ở: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa lớp 12/12; Đoàn Thể: không.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn Nh- sinh năm 1959; Nghề nghiệp: làm ruộng. Mẹ đẻ: Thân Thị M- sinh năm1962; Nghề nghiệp: làm ruộng. Anh chị em ruột: Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Giáp Thị Th- sinh năm 1990; Nghề Nghiệp: Làm ruộng.Con: bị cáo có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án:

- Ngày 24/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản".

- Ngày 14/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 20 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", tháng 3 năm 2016 T chấp hành xong án phạt tù trở về địa pH.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 13/9/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

- Ngày 06/5/2012 bị Công an phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bi bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

1. Cháu Đặng Thị Q, sinh năm 2002. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: Thôn 5- V- V- Bắc Giang.
2. Cháu Nguyễn Thúy Ng, sinh ngày 09/4/2002. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: Thôn M- H- V- Bắc Giang.
3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1995. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: phố G, thị trấn B-Y- Bắc Giang.

***Người giám hộ và bảo vệ quyền lợi cho người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Là mẹ đẻ cháu Q (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: Thôn 5- V- V- Bắc Giang.
2. Bà Giáp Thị Th, sinh năm 1978. Là mẹ đẻ cháu Ng (vắng mặt).
HKTT và chỗ ở: Thôn M- H- V- Bắc Giang.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trương Văn H, sinh năm 1980. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã Ng; T; Bắc Giang.
Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1974. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã L; T; Bắc Giang.
Anh Tạ Văn Th, sinh năm 1987. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã S; T; Bắc Giang.
Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1987. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã L; T; Bắc Giang.
Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1991. (vắng mặt)
HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã L; T; Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ đơn trình báo của các bị hại và các tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện V, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y điều tra thu thập được đã xác định Nguyễn Văn T là đối tượng đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", mới được ra trại ngày 04/3/2017, về cư trú tại địa pH thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do lười biếng lao động và mắc nghiện ma túy, nên trong thời gian ngắn sau khi được ra trại, T lại tiếp tục nảy sinh ý định phạm tội chiếm đoạt tài sản để lấy tiền sử dụng cá nhân. Trong thời gian từ ngày 21/3/2017 đến ngày 24/3/2017 T đã thực hiện 01 vụ Cướp tài sản trên địa bàn huyện V và 02 vụ Cướp giật tài sản, 01 vụ trên địa bàn huyện Y và 01 vụ trên địa bàn huyện T, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 19 giờ ngày 21 tháng 03 năm 2017, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave màu đỏ, không nhớ biển kiểm soát của Trương Văn H- sinh năm 1980, ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đi một mình từ nhà T ở thôn C, xã Ng, huyện T, qua xã Th đến khu vực xã V, với mục đích vừa đi trên đường vừa quan sát, gặp người đi đường có cơ hội thì cướp tài sản. Khi đi T đội mũ vải lưỡi trai màu nâu, đeo khẩu Tr bịt mặt và mang theo 01 con dao tự chế (cài ở xe mô tô), lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng, đầu nhọn, chuôi nhựa, quấn băng dính màu đen, dao có chiều dài cả chuôi khoảng 70 cm. Khi đi đến đoạn đường giữa cánh đồng thuộc thôn 4, xã V, huyện V, T phát hiện chị Nguyễn Thị Thúy Ng- sinh ngày 09/4/ 2002 ở thôn M, xã H, huyện V đang điều khiển xe đạp điện, đèo chị Đặng Thị Q- sinh ngày 14/7/ 2002 ở thôn 5, xã V, V, tỉnh Bắc Giang, đi cùng chiều phía trước xe của T. T điều khiển xe vượt lên phía trước xe của chị Ng khoảng 100 mét, rồi vòng xe quay lại chặn đầu xe của chị Ng. Khi chị Ng dừng xe lại, T ngồi trên yên xe dùng tay trái rút con dao nhọn mang theo chỉ thẳng vào mặt của chị Ng, thấy vậy chị Q ngồi sau xe do sợ hãi đã nhảy xuống đứng cạnh xe còn chị Ng vẫn ngồi trên yên xe hai chân chống xuống mặt đất để xe không bị đổ. T nói "đưa điện thoại đây" thì chị Q lấy trong túi áo ra chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO V3 màu vàng đồng đưa cho T, T tiếp tục cầm dao nhọn chỉ về phía chị Ng và nói "mày đưa điện thoại đây" thì chị Ng sợ hãi trả lời không có điện thoại. T quay sang hỏi chị Q mật khẩu để mở điện thoại thì chị Q trả lời không có mật khẩu, rồi T bảo "chúng mày về đi" thì chị Ng và chị Q đèo nhau về nhà. Sau đó T điều khiển xe đi về nhà. Sáng ngày 22/3/2017 T mang chiếc điện thoại cướp được của chị Q, đến cầm tại cửa hiệu điện thoại "Th" của anh Tạ Văn Th- sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang được 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 25/3/2017 khi T đang chơi ở nhà anh Dương Văn Đ ở thôn Tr, xã S, huyện T, thì gặp anh Trương Văn H- sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã Ng, huyện T đến nhà ông Đ để nhờ ông ông Đ tìm mua hộ anh chiếc điện thoại di động cũ, do điện thoại di động của anh bị hỏng. Khi nghe thấy anh H nói như trên thì T bảo anh H đưa tiền cho T để T đi chuộc lại chiếc điện thoại T mới cầm 600.000 đồng, anh H đồng ý đưa cho T 600.000 đồng. T cầm số tiền trên đến cửa hiệu điện thoại của anh Tạ Văn Th chuộc lại chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO V3 màu vàng đồng, mà trước đó T đã cướp được của chị Q, về đưa lại cho anh H sử dụng. Ngày 27/3/2017 anh H được Cơ quan điều tra Công an huyện V thông báo chiếc điện thoại mà anh nhờ T mua để sử dụng là vật chứng của vụ án, anh H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại trên cho cơ quan điều tra Công an huyện V.

Căn cứ đơn trình báo của chị Đặng Thị Q, ngày 28/3/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T, cùng ngày đã bắt giữ được T thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YMAHA loại EXCITER, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 30L7- 9855 và 01 chiếc mũ vải màu nâu nhạt. Cùng ngày 28/3/2017 anh Nguyễn Thanh L- sinh năm 1974, ở thôn Đồng An, xã L, huyện T, đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng, đầu nhọn, chuôi nhựa, quấn băng dính màu đen, dao có

chiều dài cả chuôi khoảng 70 cm, là con dao mà T đã sử dụng để đe rọa cướp tài sản của chị Q, sau đó T đến nhà anh L chơi đã bỏ lại.

Ngày 04/4/2017 hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V tiến hành định giá kết luận chiếc điện thoại VIVO V3 của chị Đặng Thị Q trị giá 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án:

Ngày 08/04/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện V, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Đặng Thị Q chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V3 màu vàng đồng. Riêng chiếc sim số thuê bao 0978920517 lắp ở điện thoại nêu trên của chị Q khi bị cướp, T khai sau khi cướp được chiếc điện thoại của chị Q trên đường về nhà T dừng lại tháo sim vứt đi nhưng do trời tối T không nhớ đã vứt ở khu vực nào, nên cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc sim trên.

Về trách nhiệm dân dự: Chị Q và chị Ng không yêu cầu T phải bồi thường khoản thiệt hại nào khác.

Khi anh H đưa tiền cho T để T đi chuộc điện thoại về cho anh H sử dụng, anh H không biết chiếc điện thoại đó là do T cướp được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H. Đối với anh Tạ Văn Th khi cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V3 màu vàng đồng của T, anh Th không biết chiếc điện thoại này là do T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Th.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da- Wave màu đỏ, T khai mượn của anh Trương Văn H ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, nhưng chỉ làm việc được một lần với anh Trương Văn H (vào thời điểm trước khi khởi tố bị can T). Trong quá trình điều tra vụ án, anh Trương Văn H không có mặt ở địa pH nơi cư trú nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ và thu hồi được chiếc xe mô tô có liên quan mà T đã mượn của anh để phạm tội nêu trên.

Vụ thứ hai:

Khoảng 12 giờ ngày 22/3/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YMAHA- EXCITER, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 30L7- 9855, mượn của anh Nguyễn Thanh L- sinh năm 1974, ở thôn Đ, xã L, huyện T, đi từ thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, qua xã Ph, huyện T, đến xã T, huyện Y và đi theo hướng đến thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Với mục đích vừa đi trên đường vừa quan sát, gặp người đi đường có cơ hội thì cướp hoặc cướp giật để chiếm đoạt tài sản. Khi đi đến đoạn đường đi qua cánh đồng, thuộc địa phận thôn Ch, xã T. T phát hiện chị Hoàng Thị Thu Tr- sinh năm 1994 ở thôn Ch, xã T- Y đang điều khiển xe mô tô kèm chị Trần Thị H- sinh năm 1995, ở phố G, thị trấn B, huyện Y đi cùng chiều cách xe của T khoảng 100 mét (hướng từ xã T đi thị trấn C), T nhìn thấy chị H đeo một chiếc túi sách màu đen ở vai phải và thấy đoạn đường vắng người qua lại, nên nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi sách của chị H. T điều khiển xe chạy nhanh vượt phía bên phải xe mô tô của chị Tr đang điều khiển, khi xe mô tô do T điều khiển đi ngang song song với xe của chị Tr, thì T bất ngờ dùng tay trái túm vào phần trên của túi sách và giật mạnh làm đứt quai đeo. Sau khi cướp giật được chiếc túi sách trên, T tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn C. Sau khi bị cướp giật tài sản, chị Tr điều khiển xe mô tô kèm chị H đuổi theo phía sau T nhưng không đuổi kịp. T điều khiển xe đến ngã tư

thị trấn C thì rẽ về hướng đi thị trấn Nh, huyện T, sau đó tiếp tục điều khiển xe chạy về thôn Đ, xã L, huyện T, khi đến bờ đê sông máng T dừng lại kiểm tra chiếc túi sách vừa cướp giật được, thấy bên trong túi sách có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f màu vàng hồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 thẻ nhân viên OPPO và số tiền 5.000 đồng (năm nghìn đồng). T lấy điện thoại OPPO A37f và 5.000 đồng đút vào túi quần, số giấy tờ còn lại T cho vào trong túi xách rồi ném xuống lòng sông máng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại di động cướp giật được đến cửa hàng điện thoại "Th" bán cho anh Tạ Văn Th- sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã L, huyện T được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Khoảng cuối tháng 3 năm 2017 anh Th bán chiếc điện thoại OPPO A37f trên cho một thanh niên không quen biết được 2.700.000 (hai triệu bẩy trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã tiến hành thông báo truy tìm chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án. Ngày 23/5/2017 anh Nguyễn Tiến C- sinh năm 1991 ở thôn Đ, xã L, huyện T biết có thông báo của Cơ quan điều tra về việc truy tìm điện thoại là vật chứng vụ án, có đặc điểm giống với chiếc điện thoại anh đã mua tại cửa hàng điện thoại "Th" nên anh đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra công an huyện Y để phục vụ công tác điều tra.

Anh Th mua chiếc điện thoại của T giá 2.000.000 đồng sau đó anh bán cho anh C được 2.700.000 đồng. Sau khi anh C giao nộp chiếc điện thoại nêu trên cho cơ quan điều tra, anh C quay lại cửa hàng mua bán điện thoại của anh Th để đòi lại tiền, anh Th đã trả lại anh C 1.000.000 đồng (trong đó có 700.000 đồng tiền lãi bán máy và 300.000 đồng anh tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh C). Anh C yêu cầu T phải bồi thường trả anh 1.700.000 đồng (một triệu bẩy trăm nghìn đồng).

Đối Với số giấy tờ gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 thẻ nhân viên OPPO, cùng 01 túi sách màu đen, sau khi cướp giật được, sau đó T đã vứt đi trên đường về, Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi lại được.

Ngày 24/4/2017 hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y tiến hành định giá kết luận 01 điện thoại di động OPPO A37f của chị Trần Thị H trị giá 2.200.000 đồng, 01 túi sách màu đen trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 2.300.000 đ (hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Về vật chứng của vụ án:

Ngày 05/7/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Y, đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trả lại cho chị Trần Thị H chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f. Chị H yêu cầu T phải bồi thường cho chị 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), chi phí tiền công do chị phải làm lại các giấy tờ mà T cướp giật của chị sau đó đã vứt đi.

Đối với Tạ Văn Th khi mua chiếc điện thoại OPPO A37f của T, nhưng anh không biết chiếc điện thoại trên là do T cướp giật mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Tiến C khi mua chiếc điện thoại của anh Th tại cửa hàng "Th" anh C không biết chiếc điện thoại di động này là vật chứng của vụ cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vụ thứ 3:

T khai khoảng 9 giờ ngày 24/3/2017 T mượn xe mô tô của anh Nguyễn Thanh L, nhãn hiệu Ymaha- Exciter, biển kiểm soát 30L7- 9855, đi từ thị trấn C, huyện T rồi rẽ đi tiếp vào đường tỉnh lộ 298, theo hướng từ huyện T đi huyện V, sau đó T rẽ tay phải vào đường đi Ủy ban nhân dân xã Ng, với mục đích cướp và cướp giật tài sản của người đi đường. Khi đi qua ủy ban nhân dân xã Ng đến đoạn đường đi qua cánh đồng, T phát hiện thấy có hai em nữ giới đang đi bộ cùng chiều phía trước xe của T. khi đi đến gần hai em T nói "em ơi đi xe ôm không", thì một em trả lời "về gần đến nhà rồi không đi đâu". T quan sát thấy em nữ giới đi bên ngoài tay cầm một chiếc túi sách, T điều khiển xe áp sát giật lấy chiếc túi sách rồi tăng ga xe bỏ chạy. Sau đó T đi thẳng về nhà ở thôn C, xã Ng, huyện T, T mở túi sách ra kiểm tra thì thấy bên trong túi có một chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu LG màu đen và 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Số tiền 100.000 đồng T đã chi tiêu hết, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG, T đã làm dơi mất khi đi trên đường.

Căn cứ vào lời khai nêu trên của T, ngày 04/4/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện V có công văn trao đổi, nêu rõ hành vi phạm tội nêu trên của T xảy ra tại địa bàn xã Ng, huyện T, gửi đến Cơ quan điều tra Công an huyện T, đề nghị phối hợp điều tra làm rõ. Ngày 22/6/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện T có công văn trả lời, kết quả điều tra không xác định được bị hại của vụ án như T đã khai báo. Do vậy cơ quan điều tra Công an huyện V không đề cập xử lý đối với T về hành vi phạm tội này.

* Đối với chiếc xe mô tônhãn hiệu YMAHA loại EXCITER, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 30L7- 9855. T đã sử dụng 02 lần đi cướp giật tài sản, T khai mượn của Nguyễn Thanh L, ở thôn Đ, xã L, huyện T. Cơ quan điều tra làm việc với anh L, anh L khai chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter màu vàng đen, biển kiểm soát 30L7-9855, anh mua năm 2013 của ông Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1961 ở cùng thôn với anh, giá 27.000.000 đồng, làm phương tiện đi lại, xe có đăng ký nhưng đến nay anh đã làm thất lạc mất giấy đăng ký xe.

Ngày 26/6/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trưng cầu Phòng PC54 Công an tỉnh Bắc Giang để giám định số máy, số khung cùng biển kiểm soát xe mô tô của anh L. Ngày 30/6/2017 Phòng PC54 Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

" 1. Xe mô tô nhãn hiệu Ymaha Exciter, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 30L7- 9855 gửi giám định:

- Dãy số máy 1S94- ***048182 bị đục lại, số nguyên thủy là 1S92-007182.***

- Dãy số khung: RLCE1S9409Y048169 ***bị đóng đục lại, không xác định được số nguyên thủy.***

2. PC54 không kết luận biển kiểm soát gửi giám định do không có mẫu so sánh".

Từ số máy nguyên thủy khôi phục được, Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang, để tra cứu chủ sở hữu của chiếc xe trên nhưng không có kết quả. Riêng tra cứu chủ sở hữu thông qua biển kiểm soát xe 30L7- 9855. Cho kết quả chủ sở hữu xe là chị Nguyễn Thị Út Th, ở ngõ 14- V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, nhưng thông số kỹ thuật (dung tích, số máy,

số khung) của chiếc xe chị Th đang sử dụng không trùng khớp với chiếc xe trên, nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng, đồng thời tách chiếc xe trên trong vụ án này ra để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra bị cáo T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 85/KSĐT ngày 14/ 11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 133 - Bộ luật hình sự và tội " Cướp giật tài sản" theo điểm c, d khoản 2 điều 136 – BLHS.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Cướp tài sản" và tội " Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 điều 46; điểm h khoản 1 điều 48; điều 33 - BLHS để xử phạt Nguyễn Văn T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 điều 46; điều 33 - BLHS để xử phạt Nguyễn Văn T từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 50 – Bộ luật hình sự năm 1999. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 12 năm tù đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

*Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 – BLHS năm 1999.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến C 1.700.000 đồng.

*Vật chứng: Áp dụng a, c khoản 2 điều 106 – BLTTHS năm 2015

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, mầu trắng, nhọn đầu, chuôi dao bằng nhựa, quấn băng dính mầu đen. 01 chiếc mũ mầu nâu.

Áp dụng điều 135- BLTTHS năm 2015. điểm a khoản 1 Điều 23, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác có lời khai trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai của bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với thời gian, không gian, địa điểm, phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng khác, và xác định: Trong thời gian từ ngày 21/3/2017 đến ngày 22/3/2017, Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, HKTT: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã sử dụng xe mô tô và dao nhọn tự chế, tham gia giao thông trên đường, khi đi đến đoạn đường vắng người qua lại, T đã nhằm vào các bị hại là phụ nữ đi xe mô tô trên đường để thực hiện 01 vụ Cướp tài sản, là 01 điện thoại di động trị giá 2.500.000 đồng, tại địa bàn

thôn 4, xã V, huyện Việt Yên và 01 vụ Cướp giật tài sản, là 01 điện thoại di động cùng giấy tờ và 100.000 đồng tại địa bàn thôn Chiềng, xã T huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố về hành vi "Cướp tài sản" và tội " Cướp giật tài sản" là đúng, không oan. Nay bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Do vậy, bản cáo trạng số 85/KSĐT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 133 - Bộ luật hình sự và tội " Cướp giật tài sản' theo điểm c, d khoản 2 điều 136 -BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an nơi bị cáo gây án, hành vi "cướp tài sản" và " cướp giật tài sản" gây tâm lý lo sợ, gây dư luận bất bình trong nhân dân.Với hành vi nêu trên của bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc mới tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét về mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy cần phải xem xét tới hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng:

Đối với tội cướp tài sản bị cáo phạm tội đối với trẻ em. Vì vậy bị cáo có một tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 điều 48 – BLHS năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo T tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tố về sau này theo quy định tại Điều 33 – BLHS năm 1999.

Đối với bị cáo không cần thiết phải phạt bổ sung.

Khi anh H đưa tiền cho T để T đi chuộc điện thoại về cho anh H sử dụng, anh H không biết chiếc điện thoại đó là do T cướp được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H. Đối với anh Tạ Văn Th khi cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V3 màu vàng đồng của T, anh Th không biết chiếc điện thoại này là do T phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Th.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da- Wave màu đỏ, T khai mượn của anh Trương Văn H ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, nhưng chỉ làm việc được một lần với anh Trương Văn H (vào thời điểm trước khi khởi tố bị can T). Trong quá trình điều tra vụ án, anh Trương Văn H không có mặt ở địa pH nơi cư trú nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ và thu hồi được chiếc xe mô tô có liên quan mà T đã mượn của anh để phạm tội nêu trên.

Đối với Tạ Văn Th khi mua chiếc điện thoại OPPO A37f của T, nhưng anh không biết chiếc điện thoại trên là do T cướp giật mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Tiến C khi mua chiếc điện thoại của anh Th tại cửa hàng "Th" anh C không biết chiếc điện thoại di động này là vật chứng của vụ cướp giật tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Q và chị Ng không yêu cầu T phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với chị H tại cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị là 600.000 đồng. Nhưng trước khi đưa ra xét xử chị H có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận.

Anh Nguyễn Tiến C khi mua điện thoại của bị cáo không biết là tài sản do phạm tội mà có, nay anh C nhận lại được 1.000.000 đồng của anh Th, còn lại 1.700.000 đồng anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Xét về vật chứng:

Đối với 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng nhọn đầu, chuôi dao bằng nhựa, quấn băng dính mầu đen là công cụ phạm tội, giá trị sử dụng không còn. 01 chiếc mũ vải mầu nâu không có giá trị sử dụng cần được tịch thu để tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 điều 106 – BLTTHS năm 2015.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 điều 135; 331;332;333 - Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản " và tội "Cướp giật tài sản"

***Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 điều 46; điểm h khoản 1 điều 48; điều 33 - Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 08 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" .Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 điều 136, điểm p khoản 1 điều 46; điều 33 – BLHS năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 04 năm 06 tháng tù về tội " Cướp giật tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 50 – Bộ luật hình sự năm 1999. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành chung cho cả hai tội là 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2017.

***Về Trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng khoản 1 điều 42 – Bộ luật hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến C 1.700.000 đồng.

***Vật chứng:** Áp dụng a, c khoản 2 điều 106 – BLTTHS năm 2015

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại, màu trắng nhọn đầu, chuôi dao bằng nhựa, quấn băng dính mầu đen; 01 chiếc mũ vải mầu nâu. Theo biên bản giao vật chứng ngày 15/11/2017 giữa công an huyện V với Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

***Về án phí và quyền kháng cáo:**

Áp dụng khoản 2 điều 135; 331; 332; 333 điều Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho bị cáo có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:
- TATỉnh.
- VKSND huyện V (02 bản)
- Công an huyện.
- Các bị cáo.
- Chi cục THADS.
- T.H.A H.S (02 bản).
-Sở tư pháp BG
- HS; Lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Văn Huyền